TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án: 274/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Bạn
2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Thanh H
Địa chỉ: Khu 2, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.
2. *Bị đơn*: Ông Lê Trí T
Địa chỉ: Khu 2, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 70/ĐKKH ngày 11 tháng 8 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, nghiện ngập và có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Bà H góp ý thì ông T dùng bạo lực đánh đập bà gây thương tích, do không chịu đựng nỗi bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2018 đến nay.

Bà H nhận thấy không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại các văn bản ghi ý kiến của ông T (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 09 tháng 02 năm 2018 và ngày 03 tháng 4 năm 2018 trình bày: Ông T và bà H sống chung với nhau từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, bởi lẻ vào năm 1999 ông T chấp hành án phạt tù nên giấy chứng nhận kết hôn là không đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không phải như bà H trình bày mà thời gian ông T chấp hành hình phạt tù bà H ở nhà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, bỏ bê con cái nhưng ông T bỏ qua.

Nay bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, vì vợ chồng chưa làm rõ tài sản nên ông T không đồng ý .

2. Về con chung:

Bà H khai vợ chồng có 02 con chung:

- Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1996 (đã trưởng thành);
- Lê Võ Huyền M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2006.

Bà H xin được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu D đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Ông T công nhận vợ chồng có 02 con chung như bà H khai, không có nguyện vọng nuôi cháu M.

3. Về tài sản chung:

Bà H khai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Ông T cho rằng tài sản hiện do bà H quản lý nên chưa nắm rõ, ông T sẽ cung cấp chứng cứ để yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

4. Về nợ chung:

Bà H và ông T cùng khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn bà H đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2018, phiên tòa ngày 24 tháng 8 năm 2018 và phiên tòa hôm nay ông T cũng vắng mặt không có lý do, ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông T cho rằng việc đăng ký kết hôn vào năm 1999 là không đúng vì ông T đang chấp hành án tại cải tạo ở tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn năm 1999 theo trình bày của bà H và xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, thời gian này ông T đang chấp hành án tại trại cải tạo Hoàn Cát- Quảng Trị nên Ủy ban nhân dân thị trấn A hướng dẫn bà H làm đơn đến trại cải tạo cho ông T ký xác nhận có nguyện vọng đăng ký kết hôn và được trại cải tạo xác nhận nên Ủy ban nhân dân thị trấn A đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn đúng quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và Điều 23 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, nghiện ngập và có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Bà H góp ý thì ông T dùng bạo lực đối với bà, do không thể tiếp tục chịu đựng nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2018 đến nay. Bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với ông T.

Ông T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa làm rõ tài sản chung.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Quan hệ con chung: Bà H và ông T khai thống nhất có 02 con chung là Lê Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1996 (đã trưởng thành) và Lê Võ Huyền M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2006. Cháu M có nguyện vọng ở với bà H và bà H cũng có nguyện vọng nuôi cháu M.

Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con vị thành niên nên giao cháu M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Bà H không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

- Quan hệ tài sản chung: Tòa án sẽ giải quyết chia tài sản chung vợ chồng khi ông T cung cấp đầy đủ thông tin và đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà H và ông T cùng khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Trí T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T cho rằng việc đăng ký kết hôn vào năm 1999 là không đúng vì thời gian này ông T đang chấp hành án tại trại cải tạo ở tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, bà H trình bày tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 1999 cũng như qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn A là do ông T đang chấp hành án tại trại cải tạo Hoàn Cát-Quảng Trị nên Ủy ban nhân dân thị trấn A hướng dẫn bà H làm đơn đến trại cải tạo cho ông T ký xác nhận có nguyện vọng đăng ký kết hôn và được trại cải tạo xác nhận. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch nên Ủy ban nhân dân thị trấn A đã cấp Giấy chứng kết hôn cho bà H và ông T. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, nghiện ngập và quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Bà H góp ý thì ông T dùng bạo lực đánh đập bà H gây thương tích, do không chịu đựng nỗi nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2018 đến nay. Bà H nhận tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn, nhưng ông T không đồng ý.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông T. Theo xác minh tại địa phương giữa bà H và ông T không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng lại không có mặc tại phiên

tòa để trình bày nguyện vọng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xét thấy trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Lê Võ Huyền M đều do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu M cũng có nguyện vọng ở với bà H. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[5]. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án can thiệp, ông T cho rằng tài sản hiện do bà H quản lý và ông sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà H và ông T cùng khai không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị Thanh H đối với ông Lê Trí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị Thanh H được ly hôn với ông Lê Trí T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Võ Huyền M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2006 cho bà Vũ Thị Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bà H không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Trí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 10924 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái